

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNV-TCBM

Nam Định, ngày tháng 7 năm 2023

V/v hướng dẫn việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 237/UBND-VP8 ngày 24/3/2021 về việc hướng dẫn chuyển hạng, xếp lương đối với giáo viên theo Thông tư mới, Sở Nội vụ đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo có Hướng dẫn số 1288/HD-SNV ngày 15/6/2021 về việc triển khai thực hiện mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập theo quy định tại Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là *Thông tư số 01, 02, 03, 04*). Từ tháng 4/2021 đến nay, Sở Nội vụ đã thực hiện hiệp y bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với 17.142 viên chức giáo dục theo quy định tại Thông tư số 01, 02, 03, 04. Hiện nay còn khoảng 4.163 viên chức đang hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn nên chưa được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo Thông tư số 01, 02, 03, 04 và 1.082 viên chức có vướng mắc về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu.

Ngày 14/4/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (sau đây gọi tắt là *Thông tư số 08*).

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, Sở Nội vụ hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với các viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh và các trường hợp vướng mắc về việc bổ nhiệm, xếp lương lần đầu sau khi tuyển dụng, cụ thể như sau:

A. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC BỔ NHIỆM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG

I. BỔ NHIỆM CDNN VÀ XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN MẦM NON

Việc bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 và Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023.

1. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non

1.1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT:

- Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26): có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25), Giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24): có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

1.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Ngoài những điều kiện tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung, giáo viên mầm non hạng II, hạng I cần đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sau:

- Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25): Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp huyện trở lên.

Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) phải có thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24): Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc là giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp tỉnh trở lên.

Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) phải có thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên, tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Cách bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên mầm non

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng CDNN giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau:

a) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đối với giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26);

b) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đối với giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05);

c) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) đối với giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04).

2.2. Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) khi được xác định là người trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non từ hạng II lên hạng I.

3. Điều khoản áp dụng về bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên mầm non

3.1. Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) hoặc giữ ngạch GVMN cao cấp (mã số 15a.205) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) hoặc giữ ngạch GVMN chính (mã số 15a.206) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26).

Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) hoặc giữ ngạch GVMN (mã số 15.115) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên mầm non theo Luật Giáo dục năm 2019.

3.2. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN Giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.04) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hạng I và có thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định.

II. BỔ NHIỆM CDNN VÀ XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Việc bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư số

02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 và Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023.

1. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học

1.1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT:

- Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29), Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28), Giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27): có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

1.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3,4,5,6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Ngoài những điều kiện tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung, giáo viên tiểu học hạng II, hạng I cần đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sau:

- Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28),: Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc được nhận bằng khen, giấy khen từ cấp huyện trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp trường trở lên, giáo viên làm Tổng phụ trách đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện trở lên.

Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28), phải có thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27): Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ/ban/ngành/tỉnh trở lên; hoặc bằng khen từ cấp tỉnh trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện trở lên.

Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) phải có thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Cách bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên tiểu học

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng CDNN giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm CDNN giáo viên tiểu học quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau:

a) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) đối với giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);

b) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) đối với giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);

c) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) đối với giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) có tổng thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) và hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

2.2. Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi được xác định là người trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên tiểu học từ hạng II lên hạng I.

3. Điều khoản áp dụng về bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên tiểu học

3.1. Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc giữ ngạch GVTH cao cấp (mã số 15a.203) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) hoặc giữ ngạch Giáo viên tiểu học (mã số 15.114) hoặc giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) hoặc giữ ngạch Giáo viên tiểu học chính (mã số 15a.204) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019.

3.2. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng II và có thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định.

III. BỔ NHIỆM CDNN VÀ XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

Việc bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trung học cơ sở công lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 và Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023.

1. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

1.1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT:

- Giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32), Giáo viên trung học cơ sở II (mã số V.07.04.31), Giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30): có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.

1.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3,4,5,7 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Ngoài những điều kiện tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung, giáo viên trung học cơ sở hạng II, hạng I cần đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sau:

- Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31): Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp trường trở lên, giáo viên làm Tổng phụ trách đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện trở lên.

Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31), phải có thời gian giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30): Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ/ban/ngành/tỉnh trở lên; hoặc bằng khen từ cấp tỉnh trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện trở lên.

Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) phải có thời gian giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Cách bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên trung học cơ sở

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng CDNN giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm CDNN giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau:

a) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32) đối với giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.12) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32);

b) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.31) đối với giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.11) có tổng thời gian giữ CDNN giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.12) và hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

c) Bổ nhiệm vào CDNN giáo viên THCS hạng I (mã số V.07.04.30) đối với giáo viên THCS hạng I (mã số V.07.04.10).

3. Điều khoản áp dụng về bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên trung học cơ sở

3.1. Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên THCS hạng I (mã số V.07.04.10) hoặc giữ ngạch GVTHCS cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên THCS hạng I (mã số V.07.04.30).

Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc giữ ngạch Giáo viên THCS chính (mã số 15a.201) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.31).

Thời gian giáo viên giữ CDNN giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.12) hoặc giữ ngạch Giáo viên THCS (mã số 15a.202) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên THCS theo Luật Giáo dục năm 2019.

3.2. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN Giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.31) nếu đã có bằng thạc sĩ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên THCS hạng II và có thời gian giữ CDNN giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký

dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định.

IV. BỔ NHIỆM CDNN VÀ XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Việc bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trung học phổ thông công lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 và Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023.

1. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông

1.1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT:

- Giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15), Giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14): có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.

- Giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13): có bằng thạc sĩ trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên THPT hoặc có bằng thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng thạc sĩ quản lý giáo dục trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.

1.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3,4,5 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2. Cách bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên trung học phổ thông

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT.

Các quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV tiếp tục được sử dụng và không cần phải ban hành quyết định thay thế.

3. Điều khoản áp dụng về bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên Trung học phổ thông

3.1. Thời gian giáo viên THPT giữ hạng I, hạng II, hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV tương đương với thời gian giữ hạng I, hạng II, hạng III quy định tại Thông tư 04 và 08. Thời gian giáo

viên giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giáo viên giữ hạng II (mã số 07.05.14). Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học (mã số 15.113) được xác định là tương đương với thời gian giáo viên giữ hạng III (mã số V.07.05.15).

3.2. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN giáo viên THPT hạng II (mã số V.07.05.14) nếu đã có bằng thạc sĩ, đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên THPT hạng II và có thời gian giữ CDNN Giáo viên THPT hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định.

V. MỘT SỐ LƯU Ý KHI BỔ NHIỆM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

1. Đối với trường hợp giáo viên chưa đáp ứng điều kiện bổ nhiệm CDNN, xếp lương theo Thông tư số 01, 02, 03 và Thông tư số 08:

1.1. Trường hợp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư số 01, 02, 03 và Thông tư số 08 thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của CDNN giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên THCS hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 20/2021/TT-BGDĐT-BNV, 21/2021/TT-BGDĐT-BNV, 22/2021/TT-BGDĐT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên THCS tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng CDNN.

1.2. Trường hợp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ¹ thì được tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.

2. Một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông bao gồm:

2.1. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Tin học và Công nghệ khối Tiểu học: có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Tin học hoặc Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Tin học, Công nghệ, Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp.

¹ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS

2.2 Giáo viên được phân công giảng dạy môn Công nghệ khối THCS, THPT: có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp.

2.3. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) khối Tiểu học, Trung học cơ sở: có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mỹ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật.

2.4. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Lịch sử và Địa lý khối THCS: có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Lịch sử hoặc Địa lý hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Lịch sử và Địa lý.

2.5. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Khoa học tự nhiên khối THCS: có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Khoa học tự nhiên hoặc Vật lý hoặc Hoá học hoặc Sinh học hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Khoa học tự nhiên, Vật lý, Hoá học, Sinh học.

2.6. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật khối Trung học phổ thông: có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Giáo dục công dân hoặc Giáo dục chính trị hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THPT theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.7. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên của cấp học được phân công giảng dạy (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.8. Bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp quy định tại tiêu chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học, THCS, THPT được xác định là bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân chuyên ngành không thuộc ngành đào tạo giáo viên mà trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đó có các môn học hoặc học phần (thuộc khối kiến thức chuyên ngành) đảm bảo yêu cầu giảng dạy môn học cụ thể trong Chương trình giáo dục phổ thông. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo (nơi cấp bằng) để xác định tính phù hợp của bằng cử nhân với môn học cụ thể trong Chương trình giáo dục phổ thông.

2.9. Đối với các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông chưa có mã ngành đào tạo giáo viên thì người đứng đầu cơ sở giáo dục phân công giáo viên hiện có và cử giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy môn học được phân công. Trường hợp giáo viên đã có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên, hoặc có bằng cử nhân và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ

sư phạm được phân công giảng dạy môn học khác với chuyên ngành được đào tạo và được người đứng đầu cơ sở giáo dục đánh giá đạt tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để giảng dạy môn học được phân công thì được bổ nhiệm CDNN, xếp lương và được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN theo quy định.

3. Về nhiệm vụ của giáo viên

Nhiệm vụ của giáo viên được quy định đối với từng hạng CDNN là những công việc giáo viên thực hiện sau khi được bổ nhiệm vào hạng và trong suốt thời gian giữ hạng nếu được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phân công. Người đứng đầu ĐVSNCL có thể phân công giáo viên thực hiện nhiệm vụ của hạng cao hơn nếu giáo viên có khả năng thực hiện. Đối với những nhiệm vụ theo hạng chức danh nghề nghiệp mà trường mầm non, phổ thông công lập không được giao hoặc không đủ điều kiện thực hiện thì người đứng đầu trường mầm non, phổ thông công lập quyết định việc quy đổi sang các nhiệm vụ khác có liên quan để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

Không yêu cầu giáo viên phải cung cấp minh chứng về việc thực hiện nhiệm vụ của hạng khi bổ nhiệm vào hạng tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01, 02, 03, 04.

4. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

4.1. Trường hợp giáo viên mầm non đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non hạng II, hạng III, hạng IV; giáo viên tiểu học đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên tiểu học hạng II, hạng III, hạng IV; giáo viên trung học cơ sở đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng I, hạng II, hạng III; giáo viên trung học phổ thông đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT hạng I, hạng II, hạng III theo quy định của pháp luật trước ngày **30/6/2022** được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên tương ứng với từng cấp học, được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng CDNN và không phải học chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên tương ứng với từng cấp học theo quy định tại Thông tư số 08.

4.2. Giáo viên tuyển dụng mới phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN theo quy định trong thời gian thực hiện chế độ tập sự. Giáo viên tuyển dụng mới nhưng không phải thực hiện chế độ tập sự phải bổ sung chứng chỉ trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được tuyển dụng. Tính đến ngày 30/5/2023 (ngày Thông tư số 08 có hiệu lực thi hành), các trường hợp còn dưới 01 năm thực hiện chế độ tập sự thì phải bổ sung chứng chỉ trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 30/5/2023.

5. Về chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm

Trường hợp giáo viên phổ thông đã có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có bằng trung cấp sư phạm hoặc cao đẳng sư phạm hoặc trường hợp giáo viên phổ thông đã có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ

nghịệp vụ sư phạm do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp trước ngày 22/5/2021 thì được xác định là có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm của cấp học đang giảng dạy theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

6. Bổ nhiệm CDNN trong trường hợp thay đổi vị trí việc làm

Trường hợp giáo viên chưa được bổ nhiệm CDNN đúng với cấp học đang giảng dạy hoặc thay đổi vị trí việc làm mà CDNN đang giữ không phù hợp với yêu cầu của VTVL mới thì người đứng đầu ĐVSNCL đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc xét chuyển CDNN theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, đảm bảo nguyên tắc:

6.1. Bổ nhiệm vào hạng CDNN tương ứng với hạng CDNN đang giữ khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn của hạng CDNN được bổ nhiệm và chuyển xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất của hạng được chuyển theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007² và theo quy định hiện hành của pháp luật.

6.2. Khi chuyển CDNN không được kết hợp thăng hạng CDNN, không kết hợp nâng bậc lương.

6.3. Thời gian giữ CDNN cũ được xác định tương đương thời gian giữ CDNN được chuyển.

7. Bổ nhiệm CDNN giáo viên trong trường hợp khác

7.1. Trường hợp giáo viên vẫn giữ mã ngạch của công chức thì người đứng đầu ĐVSNCL đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện bổ nhiệm CDNN giáo viên đúng với cấp học đang giảng dạy theo quy trình xét chuyển CDNN tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

7.2. Trường hợp giáo viên vẫn giữ các ngạch giáo viên có đầu mã ngạch “15.”, “15a.”, “15c.” thì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào hướng dẫn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tại các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22, 23 để bổ nhiệm vào hạng CDNN mới tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01, 02, 03, 04.

7.3. Trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông đã thực hiện việc bổ nhiệm từ các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22, 23 sang CDNN tương ứng theo các quy định tại các Thông tư số 01, 02, 03, 04, khi thực hiện việc bổ nhiệm CDNN, xếp lương theo các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08 và hướng dẫn này, nếu có sự thay đổi về hạng CDNN được bổ nhiệm thì cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành quyết định bổ nhiệm CDNN thay thế và không thực hiện việc truy thu tiền lương, phụ cấp chênh lệch đã chi trả.

Trường hợp khi thực hiện việc bổ nhiệm CDNN, xếp lương theo các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08 nếu không có sự thay đổi về hạng CDNN được

² Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức

bổ nhiệm thì giữ nguyên hạng CDNN đã được bổ nhiệm và không cần ban hành quyết định bổ nhiệm CDNN thay thế.

7.4. Trường hợp giáo viên đang trong thời hạn xử lý kỷ luật (*khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm của viên chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền*) hoặc trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức) hoặc năm học 2021-2022, 2022-2023 bị đánh giá, xếp loại viên chức không hoàn thành nhiệm vụ thì giữ nguyên mã số, hệ số lương hiện hưởng cho đến khi hết thời gian thi hành kỷ luật hoặc được đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được bổ nhiệm CDNN và xếp lương theo quy định.

8. Đối với trường hợp bổ nhiệm CDNN, xếp lương chưa đảm bảo quy định tại Thông tư số 20, 21, 22, 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 01, 02, 03, 04:

Kể từ ngày 03/11/2015 đến ngày 30/5/2023 (ngày Thông tư số 08 có hiệu lực thi hành), trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông được bổ nhiệm vào hạng cao hơn sau khi hết tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn khác cũng như chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức thì phải thực hiện bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03/11/2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03/11/2015).

VI. HỒ SƠ BỔ NHIỆM CDNN VÀ XẾP LƯƠNG MỚI:

Hồ sơ hiệp y danh sách bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với viên chức gửi Sở Nội vụ gồm có:

1) Văn bản đề nghị hiệp y danh sách và bổ nhiệm CDNN, xếp lương đối với viên chức;

2) Biểu 1A, 1B, 1C, 1D, 1E và Biểu 2 kèm theo;

3) Bản photo hồ sơ cá nhân của viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm CDNN gồm:

a) Bằng tốt nghiệp, chứng chỉ CDNN (nếu có);

b) Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm CDNN cũ, Quyết định lương gần nhất và các tài liệu khác tương ứng tiêu chuẩn từng CDNN theo quy định (*Riêng đối với trường hợp bổ nhiệm, xếp lương lần đầu chưa đúng quy định phải bổ sung đầy đủ cả các quyết định lương cũ và Quyết định bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định*);

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị (về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức; tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ; đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022, 2022-2023). Riêng đối với các minh chứng như chiến sĩ thi đua cơ sở, bằng khen, giấy khen, danh

hiệu giáo viên dạy giỏi tương ứng với từng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 01, 02, 03, 04, 08 thì phải có minh chứng cụ thể.

d) Đối với viên chức hiện đang giữ CDNN khác với CDNN của vị trí việc làm đang đảm nhiệm, thì hồ sơ bổ sung Quyết định điều động hoặc chuyển công tác, tiếp nhận, ... về vị trí việc làm mới đề nghị bổ nhiệm CDNN.

Lưu ý:

- Viên chức được đề nghị bổ nhiệm hạng CDNN và xếp lương chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị bổ nhiệm hạng CDNN và xếp lương chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức thuộc thẩm quyền quản lý..

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục đào tạo, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Phổ biến các nội dung của Thông tư số 01, 02, 03, 04, Thông tư số 08 và Hướng dẫn này đến các viên chức giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT trong các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên công lập và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan thuộc phạm vi quản lý.

b) Rà soát hồ sơ, lập danh sách viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm, xếp lương theo quy định tại Thông tư 01,02,03,04 và Thông tư số 08 gửi Sở Nội vụ thẩm định, hiệp y danh sách và phương án bổ nhiệm CDNN, xếp lương. Sau khi có văn bản hiệp y của Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ban hành Quyết định bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với từng viên chức đủ điều kiện theo quy định về phân cấp.

(có Biểu 1A, 1B, 1C, 1D, 1E – Danh sách viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm, xếp lương kèm theo).

c) Tiếp tục rà soát hồ sơ, lập danh sách viên chức chưa đủ điều kiện bổ nhiệm, xếp lương theo quy định tại Thông tư 01,02,03,04,08; nêu rõ lý do chưa đủ điều kiện với từng cá nhân, gửi Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Đồng thời bố trí, tạo điều kiện cho viên chức hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định mới. Khi viên chức đủ điều kiện, tổng hợp gửi Sở Nội vụ hiệp y bổ nhiệm và xếp lương CDNN mới theo quy định.

(có Biểu 2 – Danh sách viên chức không đủ điều kiện bổ nhiệm, xếp lương kèm theo).

d) Rà soát, đảm bảo không có viên chức còn giữ chức danh nghề nghiệp mã 15.112, 15.113, 15c.207 đối với giáo viên THPT³; mã 15.112, 15a.201, 15a.202, 15c.208 đối với giáo viên THCS⁴; mã 15a.203, 15a.204, 15.114,

³Mã 15.112: ngạch GV trung học cao cấp. Mã 15.113: ngạch GV trung học. Mã 15c. 207: ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn.

⁴Mã 15.112: ngạch GV trung học cao cấp. Mã 15a.201: ngạch GV trung học cơ sở chính. Mã 15a.202: ngạch GV trung học cơ sở. Mã 15c.208: GV trung học cơ sở chưa đạt chuẩn.

15c.209 đối với giáo viên Tiểu học⁵; mã 15a.205, 15a.206, 15.115, 15c.210 đối với giáo viên mầm non⁶. Đối với giáo viên hiện đang giữ ngạch 15c.207, 15c.208, 15c.209, 15c.210 đến nay vẫn chưa hoàn thiện đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp mới thì đề nghị cơ quan chủ quản điều chuyển vị trí việc làm khác phù hợp hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

đ) Viên chức hiện đang công tác tại vị trí việc làm nào phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm đó và được bổ nhiệm CDNN tương ứng với vị trí việc làm đang đảm nhiệm. Nếu không đủ điều kiện bổ nhiệm CDNN tương ứng vị trí việc làm đang đảm nhiệm thì phải bố trí công tác khác phù hợp, không được để viên chức giữ chức danh nghề nghiệp khác với vị trí đang đảm nhiệm (ví dụ: Giáo viên dạy THCS nhưng lại bổ nhiệm CDNN giáo viên tiểu học và ngược lại, Giáo viên dạy THPT nhưng lại bổ nhiệm CDNN giáo viên THCS và ngược lại, ...).

2. Thời hạn gửi Hồ sơ hiệp y danh sách bổ nhiệm CDNN và xếp lương:

Đề nghị Sở Giáo dục Đào tạo, UBND các huyện, thành phố gửi hồ sơ bổ nhiệm CDNN và xếp lương đối với viên chức về Sở Nội vụ trước ngày **30/8/2023**.

Biểu 1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 2 kèm theo Hồ sơ, các đơn vị gửi về hòm thư Tcbm.svnamdinh2021@gmail.com. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (phòng Tổ chức Bộ máy) để được hướng dẫn giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố ND;
- Lưu: VT, TCBM. HTC (02b)

GIÁM ĐỐC

Triệu Đức Hạnh

⁵Mã 15a.203: ngạch GV tiểu học cao cấp. Mã 15a.204: ngạch GVTH chính. Mã 15.114: ngạch GVTH. Mã 15c.209: ngạch GVTH chưa đạt chuẩn.

⁶Mã 15a.205: ngạch GVMN cao cấp. Mã 15a.206: ngạch GVMN chính. Mã 15.115: ngạch GVMN. Mã 15c.210: ngạch GVMN chưa đạt chuẩn.